

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH Đ**

Số: 20/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29-7-2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hùng;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Phú Ba;

2. Bà Trần Thị Phiến;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đ;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông Trần Hữu Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 161/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020, về tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa 59/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị Mỹ L, sinh năm 1999;

Địa chỉ: Ấp Phú T, xã An Phú Th, huyện C, tỉnh Đ;

- Bị đơn: Anh Trần Ngọc T, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Ấp Phú C, xã Phú H huyện C, tỉnh Đ;

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Võ Thị Mỹ L trình bày:

Do mai mối, chị L và anh T tiến đến hôn nhân. Anh, chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú H ngày 23-7-2019, tổ chức cưới ngày 24-7-2019. Sau khi cưới, anh chị sống chung nhà cha mẹ chồng, thời gian đầu hạnh phúc. Khoảng 07 (bảy) tháng sau thì phát sinh mâu thuẫn do anh T thường uống rượu, dẫn đến

mất kiểm soát lý trí, nhắc chuyện mâu thuẫn về tiền bạc, thường dùng lời lẽ thiếu tế nhị chửi mắng chị L cùng gia đình chị L. Khoảng trước tết 2020, chị L về nhà cha mẹ ruột dưỡng bệnh, khi trở về nhà chồng thì phát hiện anh T đi suốt đêm không về. Qua tìm hiểu, chị L biết anh T thường tham gia đánh bạc, sát phạt ăn thua bằng tiền, nhưng gia đình chồng giấu không cho chị L biết. Do đó, chị L về nhà cha mẹ ruột sống, lúc đang mang thai 08 (tám) tháng. Anh T không quan tâm, thăm hỏi. Khi chị L sinh con, anh T không thăm. Chị L thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nên yêu cầu ly hôn anh T.

- Về nuôi con chung: Chị L và anh T có 01 (một) con. Khi ly hôn, chị L yêu cầu nuôi con Trần Mỹ Tr, sinh ngày 24-3-2020, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 28 tháng 7 năm 2020, bị đơn anh Trần Ngọc Tú trình bày:

Anh T và chị L tiến tới hôn nhân do mai mối. Vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Sau khi cưới, chị L muốn sống bên nhà cha mẹ ruột, anh T cũng đồng ý về nhà cha mẹ vợ sống 01 (một) năm. Đầu năm 2020, tiệm sửa xe của anh T bị mất trộm, anh T yêu cầu chị L đưa tiền mua lại dụng cụ sửa xe nhưng chị L không đồng ý. Từ đó, xảy ra mâu thuẫn về tiền bạc. Anh T về nhà cha mẹ ruột sống. Khi chị L sinh con, không thông báo cho anh T hay. Khi khai sinh con, chị L nói không cho mang họ cha. Từ đó, anh T giận và không còn thăm vợ con.

Nay, anh T xác định còn tình cảm với chị L, nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L.

Về con chung: Anh T không có ý kiến.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T trình bày không có.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát: Thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự (nguyên đơn) kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa chấp hành giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình: Xử chấp nhận yêu cầu của chị L về việc xin ly hôn anh T. Về con: Giao con Trần Mỹ Tr, sinh ngày 24-3-2020 cho chị L nuôi, chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Ngọc T tuy đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn, chị

Võ Thị Mỹ L đồng ý và yêu cầu Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn. Căn cứ Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Xét thấy, chị Võ Thị Mỹ L và anh Trần Ngọc T chung sống có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Phú H, huyện C, tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 23-7-2019, nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên trình bày là về tiền bạc. Từ đó, dẫn đến việc gây gổ, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Vợ chồng đã ly thân từ cuối 2019 đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn nên chị L yêu cầu ly hôn anh T. Anh T cho rằng còn tình cảm với chị L nên không đồng ý ly hôn.

[2.1] Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: Ly hôn theo yêu cầu của một bên:

“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.”

[2.2] Hội đồng xét xử xét thấy, tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ hai phía. Để có cuộc hôn nhân hạnh phúc cả hai phải có sự trân trọng, yêu thương, cảm thông, chia sẻ với nhau về những vấn đề trong cuộc sống. Thế nhưng, qua trình bày của chị L và anh T, thể hiện cả hai anh chị không có tình yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Mặc dù, anh T trình bày còn tình cảm với chị L, không đồng ý ly hôn, nhưng anh T không có lời nói, việc làm nào thể hiện tình cảm đó. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần thông báo, triệu tập anh T đến Tòa án để cho vợ chồng gặp gỡ, trao đổi, hòa giải, nhưng anh T không đến, chứng tỏ anh T không có trách nhiệm, bỏ mặc cuộc hôn nhân. Chị L kiên quyết ly hôn anh T vì không còn tình cảm.

[2.3] Xét thấy, hôn nhân giữa chị L và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L về việc ly hôn anh T.

[3] Về nuôi con chung: Chị L và anh T có 01 (một) con. Khi ly hôn, chị L yêu cầu nuôi con Trần Mỹ Tr, sinh ngày 24-3-2020, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T không có ý kiến về vấn đề này.

[3.1] Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn:

“1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự,...

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trong trường hợp không thỏa thuận được thì

Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con....

3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi....”

Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn:

“1.

2. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.”

[3.2] Xét thấy, từ khi sinh con, chị L và gia đình chị L trực tiếp chăm sóc cháu Tr, anh T không thăm nom, không chăm sóc, không phụ tiếp tiền bạc nuôi con, chưa thể hiện hết trách nhiệm của người cha. Mặt khác, hiện cháu Tr dưới 36 tháng tuổi, cần sự chăm sóc của mẹ. Do đó, việc chị L yêu cầu tiếp tục nuôi con sau khi ly hôn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L về việc nuôi con chung.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Do chị L và anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Đối với ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về nội dung vụ án: Xét thấy, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát phù hợp quy định pháp luật, phù hợp các tình tiết của vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị L phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điểm a, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Xử :

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Võ Thị Mỹ L và anh Trần Ngọc T.

2. Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con, thăm nom con:

- Chị Võ Thị Mỹ L được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Trần Mỹ Tr, sinh ngày 24-3-2020.

- Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.
- Anh Trần Ngọc T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Võ Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị L đã nộp ngày 22-5-2020 theo biên lai số 0007619 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C được chuyển thành án phí.

Đương sự (chị L) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng bị đơn (anh T) vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Đương sự (02 bản)
- Tòa án Tỉnh Đ (01 bản);
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành (01 bản);
- Chi cục Thi hành án Dân sự Huyện (01 bản);
- Lưu hồ sơ vụ án và VP (04 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thanh Hùng